

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày: 28-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Hòa;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; cư trú tại: Số X, khu phố Y, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác N), sinh năm 1972; cùng cư trú tại: Tổ A, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh N.

(Anh N, ông L và bà A có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T- anh Nguyễn Văn N trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L là khách hàng mua hàng tiêu dùng (hàng tạp hóa) của bà Nguyễn Thị T để đưa qua Vương quốc Campuchia bán lại. Do mua bán với nhau nhiều năm, nên bà T đồng ý cho bà B, ông L lấy hàng mới trả tiền hàng cũ. Sau đó bà T và vợ chồng bà B, ông L thống nhất lại số tiền bà B, ông L còn nợ bà T là 319.727.000 đồng, bà B có viết và ký giấy nhận nợ số tiền trên, hẹn đến tháng 12/2018 sẽ trả hết số tiền nêu trên cho bà T. Nếu vợ chồng bà B, ông L không trả đủ số tiền nêu trên thì trả tiền lãi mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc 319.727.000 đồng.

Tuy nhiên, đến nay vợ chồng bà B, ông L vẫn không trả tiền cho bà T như thỏa thuận trong giấy nợ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B, ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền gốc 319.727.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của Ngân hàng là 9%/năm, kể từ ngày 01/12/2018 cho đến ngày 28/5/2020 là 17 tháng 27 ngày.

$319.727.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 42.923.349 \text{ đồng}$
(làm tròn 42.900.000 đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vợ chồng bà kinh doanh mua bán hàng tạp hóa đem sang Vương quốc Campuchia bán lại. Bà mua hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị T khoảng 06 đến 07 năm. Việc mua bán hàng hóa không có hợp đồng mua bán, các bên có thỏa thuận miệng hình thức trả tiền hàng khi mua hàng mới thì trả tiền hàng cũ và nợ lại tiền hàng mới.

Đến năm 2018 vợ chồng bà thống nhất lại số tiền nợ với bà T là 319.727.000 đồng và bà có viết giấy nợ hẹn đến cuối tháng 12/2018 sẽ trả hết tiền nợ gốc cho bà T, nếu không trả được hết tiền nợ gốc thì mỗi tháng sẽ trả 6.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng bà không thể trả tiền cho bà T như thỏa thuận. Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà có nghĩa vụ trả số tiền gốc 319.727.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng là 9%/năm từ ngày 01/12/2018 đến nay, bà đồng ý nhưng xin trả dần cho bà T mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng. Vợ chồng ông là bạn hàng lâu năm của bà Nguyễn Thị T. Vợ chồng ông lấy hàng tạp hóa của bà T sau đó đưa qua Campuchia bỏ mồi sỉ lẻ. Ông biết việc mua bán hàng hóa giữa vợ ông bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị T do gia đình ông kinh tế chủ yếu do mua bán hàng tạp hóa, nhưng việc nợ nần tiền mua bán hàng hóa giữa bà B và bà T cụ thể như thế nào thì ông không rõ. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông có nghĩa vụ trả số

tiền nợ gốc 319.727.000 đồng thì ông cũng đồng ý cùng bà B có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nêu trên. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế của ông hiện nay đang gặp khó khăn nên vợ chồng ông xin trả dần cho bà T mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T: Anh Nguyễn Văn N đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N, bà A, ông L.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B là bị đơn trong vụ án đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N, bà B, ông L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 319.727.000 đồng, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị T cung cấp bản gốc giấy nợ (BL 27) với số tiền 319.727.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà B thừa nhận ông bà và bà T có mua bán hàng hóa và có nợ tiền hàng của bà T số tiền 319.727.000 đồng, ông bà hẹn tới tháng 12/2018 sẽ trả hết tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà T, nếu không trả hết được toàn bộ số nợ này thì mỗi tháng trả cho bà T

6.000.000 đồng tiền lãi. Giấy nợ bà T cung cấp là do bà B viết. Ông L không ký vào giấy nợ gốc nhưng ông cũng đồng ý đây là nợ chung của hai vợ chồng, ông L đồng ý cùng bà B có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 319.727.000 đồng. Do đó có căn cứ xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 319.727. 000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B trả số tiền lãi theo quy định pháp là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng. Do có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất được tính tại thời điểm trả nợ là 0,83%/tháng nhưng do nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 9%/năm tương đương 0,75%/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 01/12/2018 cho đến ngày 28/5/2020 là 17 tháng 27 ngày.

$319.727.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 42.923.349 \text{ đồng}$
(làm tròn 42.900.000 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: N) về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: N) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 362.627.000 (ba trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn) đồng (trong đó: Tiền nợ gốc 319.727.000 đồng và tiền lãi 42.900.000 đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: N) không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng ông L, bà B còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: N) và ông Nguyễn Văn L phải chịu **18.131.350 đồng (làm tròn 18.131.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.**

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: N) và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

